



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

MỤC LỤC

01 TỔNG QUAN 3

Thông tin doanh nghiệp
Quá trình hình thành và phát triển
Mạng lưới hoạt động
Cổ phần
Cơ cấu cổ đông
Lĩnh vực hoạt động
Bộ máy tổ chức công ty
Định hướng chiến lược phát triển
Quản trị rủi ro

02 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 13

Tổ chức và nhân sự
Thành viên, cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị
Ủy ban kiểm toán - Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ủy ban kiểm toán

03 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 20

Môi trường kinh doanh 2022
Báo cáo kết quả hoạt động
Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc
Đánh giá của Hội đồng quản trị

04 HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 31

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
Đánh giá của Ban giám đốc và Hội đồng quản trị về tác động liên quan đến môi trường và xã hội

05 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 34



CHƯƠNG 1 | TỔNG QUAN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	4
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	5
MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG	6
CỔ PHẦN	6
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	6
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	7
BỘ MÁY TỔ CHỨC CÔNG TY	8
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	9
QUẢN TRỊ RỦI RO	10

Địa chỉ:

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521
Kim Mã, Phường Ngọc Khánh,
Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Website:

www.nvs.vn

Điện thoại:

(+8424) 3724 5999

Fax:

(+8424) 3724 5775

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (“NVS”) được thành lập vào năm 2008. Trải qua hơn một thập kỷ hình thành và phát triển, NVS đã chứng minh được năng lực và thế mạnh, sự ổn định và uy tín cao trong bối cảnh thị trường tài chính Việt Nam nhiều biến động.

NVS luôn là một trong các công ty chứng khoán có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động ổn định ngay cả trong điều kiện khủng hoảng kinh tế. Cho đến nay, NVS đã xây dựng được một nền tảng thông tin và tri thức đầu tư, công cụ hỗ trợ, dịch vụ chuyên biệt và danh mục sản phẩm đầu tư đa dạng cùng với đội ngũ chuyên viên tư vấn có kinh nghiệm nhằm mang đến cho khách hàng các sản phẩm – dịch vụ ngày càng hoàn thiện và chuyên nghiệp.

Tên Doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tên Tiếng anh

NAVIBANK SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt

NVS

Đại diện pháp luật

ÔNG PHAN ANH TUẤN | Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giấy phép thành lập và hoạt động

SỐ 93/UBCK-GPHĐKD DO ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP NGÀY 16/05/2008

Vốn điều lệ

252.000.000.000 đồng

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2022

283.622.999.325 đồng

Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2022

30 NHÂN VIÊN, trong đó có **13 NHÂN VIÊN** có chứng chỉ hành nghề chứng khoán

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

16 tháng 05: NVS được thành lập, đặt trụ sở chính tại Tầng 7, Tòa nhà Minexport, 28 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội và hoạt động với 03 lĩnh vực kinh doanh: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác; Lưu ký chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 42 tỷ đồng.

06 tháng 06: NVS nhận được Giấy chứng nhận thành viên lưu ký chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

13 tháng 08: NVS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

16 tháng 10: NVS được công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2008

14 tháng 05: NVS nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 187 tỷ đồng và bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

2015

16 tháng 10: NVS được chấp thuận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

2022

16 tháng 11: NVS chuyển trụ sở chính đến địa điểm Tầng 6, Tòa nhà HandiResco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

2010

11 tháng 01: NVS nhận được Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó, đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.

19 tháng 05: NVS nhận được Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ lên 161 tỷ đồng.

2011

13 tháng 10: NVS nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 252 tỷ đồng và bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán

2021

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Trụ sở chính của công ty đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Địa bàn kinh doanh của NVS phủ khắp cả nước, tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, và Đà Nẵng.

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần: **25.200.000** cổ phần

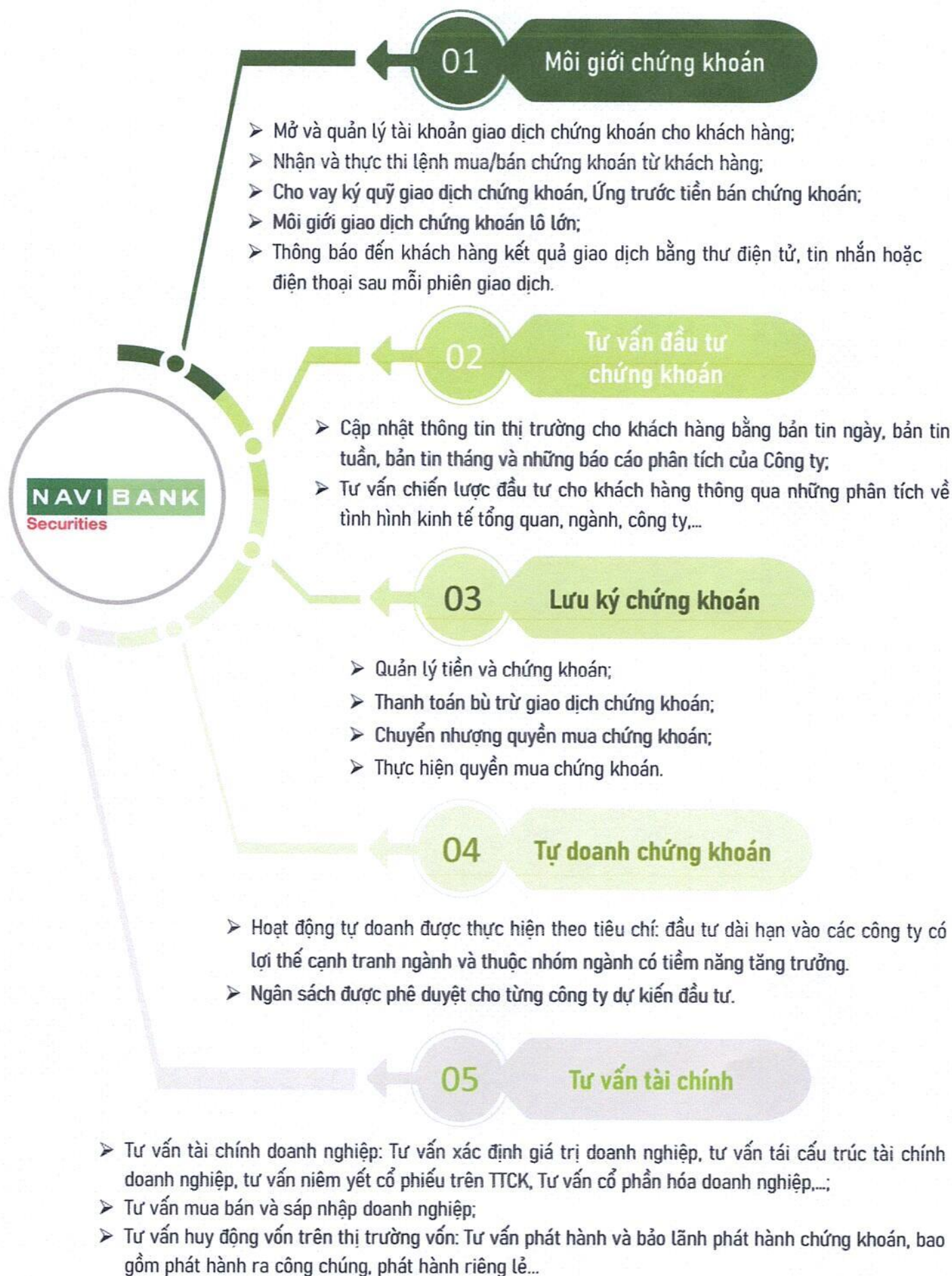
Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **25.200.000** cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TT	Họ và tên/Tên công ty	Số giấy CMND/số Giấy CNĐKKD	Ngày cấp	Số lượng cổ phần/phần vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ
01	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	00057/NH-GP	18/09/1995	1.770.000	7,02%
02	Nguyễn Sơn	022768266	02/03/2010	8.435.000	33,47%
03	Quách Thị Nga	020357411	14/05/2014	4.280.000	16,98%
04	Phạm Thị Yến	025174520	31/08/2009	4.215.000	16,73%
05	Lê Thị Anh	044176011916	10/07/2021	6.500.000	25,79%

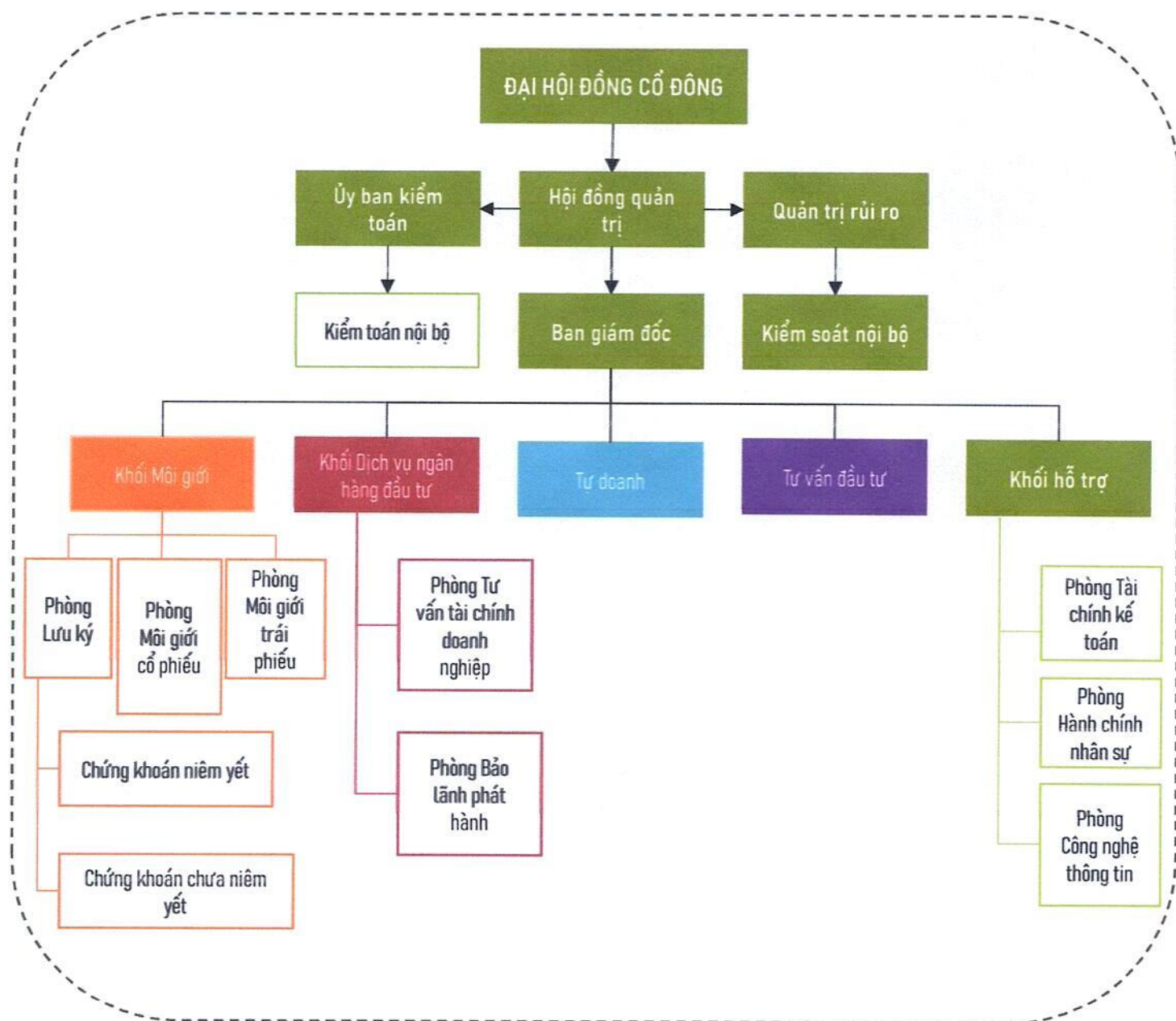
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



BỘ MÁY TỔ CHỨC CÔNG TY

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ▷ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG;
- ▷ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ;
- ▷ TỔNG GIÁM ĐỐC.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, NVS luôn gắn mục tiêu tăng trưởng công ty cùng với sự tin cậy, an tâm của khách hàng và trách nhiệm trọn vẹn với xã hội.

Để thực hiện những mục tiêu mà NVS luôn phấn đấu để đạt được đó, cùng với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, NVS thường xuyên rà soát lại các quy trình hoạt động liên quan đến mục tiêu phát triển, tích cực triển khai các cuộc đối thoại, các phương án phát triển để đảm bảo thực hiện các giải pháp hiệu quả và phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển bền vững của Công ty.

DUY TRÌ VÀ ỔN ĐỊNH HỆ THỐNG

Trong năm 2022, Việt Nam phải đối mặt với các thách thức như môi trường lãi suất cao, thanh khoản thị trường tài chính thắt chặt và lĩnh vực bất động sản gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh thị trường cổ phiếu, thị trường trái phiếu doanh nghiệp cũng gặp khó khăn về thanh khoản, chịu tác động và áp lực lớn bởi sự suy giảm niềm tin của nhà đầu tư do các sai phạm của một số doanh nghiệp vừa bị xử lý vi phạm, sự thiếu minh bạch của thị trường, và thay đổi chính sách pháp luật liên quan, cũng dẫn đến tâm lý quan ngại của cả doanh nghiệp phát hành và tổ chức cung cấp dịch vụ.

Trước những thách thức của thị trường, bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính hiện nay, NVS đặt ra mục tiêu duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giảm thiểu rủi ro trong đầu tư và đảm bảo tuân thủ pháp luật. Bên cạnh đó, dù đặt trong bối cảnh kinh doanh khó khăn nhưng NVS luôn cố gắng đảm bảo các chính sách đãi ngộ phù hợp cho nhân viên Công ty.



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Các đơn vị kinh doanh nòng cốt như Dịch vụ chứng khoán dành cho Khách hàng tổ chức, Khách hàng cá nhân; Dịch vụ Ngân hàng đầu tư; Bộ phận Kinh doanh trái phiếu, ... tiếp tục đóng vai trò là cầu nối thông tin quan trọng nhằm kết nối Công ty với nhà đầu tư và Quý cổ đông. Năm 2022, NVS đã thực hiện nhiều lượt trao đổi với các nhà đầu tư trong nước, chủ động tiếp xúc với nhà đầu tư và các công ty chứng khoán nước ngoài để giới thiệu cơ hội đầu tư tại thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt là tìm kiếm cơ hội hợp tác giữa hai bên. Công ty hướng đến tiếp tục tiếp xúc và thảo luận với các bên liên quan thông qua các cuộc họp nhằm thực hiện tốt minh bạch hóa thông tin thông qua việc cập nhật các tin tức, báo cáo, thông tin trọng yếu có ảnh hưởng đến lợi ích các bên liên quan.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN (tiếp)

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Trong năm qua, ngoài tiến hành cung cấp các dịch vụ chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, Công ty đã tập trung nguồn lực để phát triển nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư và ổn định kinh doanh chứng khoán.

Năm 2023, hoạt động Môi giới và Tự doanh vẫn hướng tới duy trì ổn định, tập trung vào các khách hàng truyền thống với mục tiêu đặt ra là nâng cao chất lượng dịch vụ; kinh doanh an toàn, hiệu quả. Hoạt động khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư bao gồm tư vấn phát hành, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp tuy là nghiệp vụ mới nhưng đã đạt được thành công đáng kể và mang lại lợi nhuận cho Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO

NVS là công ty kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, do đó quản trị rủi ro là phương châm quan trọng đối với hoạt động công ty. Mục tiêu Quản trị rủi ro của NVS là nhận diện, phân tích, đo lường, đánh giá rủi ro, để từ đó tìm các biện pháp kiểm soát, khắc phục các hậu quả của rủi ro đối với hoạt động kinh doanh... bảo đảm với mức chi phí hợp lý và sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động này, hướng đến việc duy trì và phát triển doanh nghiệp ổn định.

Phòng Quản trị rủi ro NVS đã và đang tập trung thiết lập hệ thống Quản trị rủi ro toàn diện nhằm nhận diện, phân loại, đánh giá và xây dựng kế hoạch ứng phó hiệu quả với các rủi ro nhằm đảm bảo công ty có thể hoàn thành tốt các mục tiêu và kế hoạch đã đặt ra, nhất là với thị trường biến động liên tục. Bên cạnh việc đào tạo đội ngũ và hoàn thiện quy trình Quản trị rủi ro, NVS còn thực hiện đào tạo về nhận diện, phòng tránh và xử lý rủi ro cho đội ngũ kinh doanh để hạn chế tối đa rủi ro phát sinh.

NHÂN LỰC

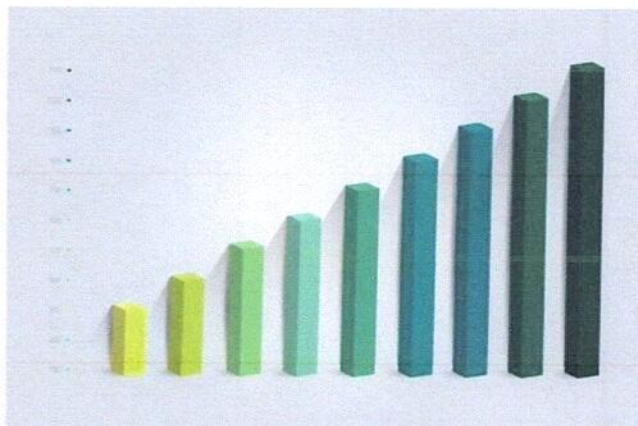
Con người là tài nguyên, là động lực phát triển cho mọi thành công mà NVS có được trong suốt quá trình hình thành và phát triển. Do đó, đầu tư phát triển nguồn nhân lực luôn là kim chỉ nam, là định hướng để doanh nghiệp thực hiện các chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững.

Năm 2022, tổng số cán bộ nhân viên tại NVS là 30 người, tăng 25% so với năm 2021. Nguồn nhân lực của Công ty đa dạng về lứa tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo và trình độ chuyên môn, tuy nhiên tập trung chủ yếu ở độ tuổi 22-38 (chiếm trên 50%) và có trình độ từ đại học trở lên (chiếm 100%). Chính sách quản trị nguồn nhân lực của NVS là hướng đến sự duy trì và ổn định hệ thống tổ chức và cán bộ nhân viên. Tiêu biểu là 60% cán bộ nhân viên của NVS đều đã gắn bó với công ty từ 8-15 năm, tuy có sự chuyển giao công việc nhưng chất lượng nhân sự luôn được ổn định. Điều này không chỉ thể hiện sự ổn định của NVS mà còn đảm bảo nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động của công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro thị trường

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 nhiều "sóng gió" và bất ngờ với những sự kiện có ảnh hưởng lớn tới xu hướng thị trường và niềm tin của nhà đầu tư. Sau những biến cố trong năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam được dự đoán bước sang năm 2023 với các yếu tố tích cực và tiêu cực đan xen. Những khó khăn của năm 2022 có thể sẽ kéo dài sang năm 2023, tuy nhiên, triển vọng năm 2023 sẽ có những chuyển biến tích cực hơn khi lạm phát giảm dần, lãi suất có xu hướng tạo đỉnh và giảm dần; áp lực lên tỷ giá giảm, chính sách tiền tệ sẽ nới lỏng dần và dòng tiền lớn trở lại khi định giá đang ở vùng hấp dẫn.



Các dịch vụ kinh doanh của NVS chịu ảnh hưởng nhiều nhất của rủi ro thị trường là tự doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Công ty đã đặt ra các biện pháp nhằm quản trị rủi ro này như:

Các dự án đầu tư đều phải được đánh giá toàn diện dựa trên quy mô thị trường, mục tiêu, khả năng mở rộng, khả năng cạnh tranh, hiệu quả tài chính, rủi ro liên quan trước khi được Ban Giám đốc thông qua.

Đội ngũ nhân sự chuyên sâu về phân tích, đánh giá và dự báo thị trường nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và hoạt động đầu tư trái phiếu, cụ thể như sau:

	Hoạt động cho vay GDKQ	Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	Hoạt động đầu tư trái phiếu
Rủi ro	Khi Công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không chịu bổ sung tài sản đảm bảo.	Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được xem là có khả năng xảy ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu rủi ro xảy ra thì có thể sẽ gây ra thiệt hại lớn khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với Công ty khi đến hạn.	Rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn, hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản.
Phương hướng	<ul style="list-style-type: none">- Tuân thủ chặt chẽ Quy trình Quản trị rủi ro trong hoạt động giao dịch ký quỹ;- Xây dựng hệ thống hạn mức chặt chẽ, liên tục kiểm soát, nhận diện các mức cảnh báo để kịp thời xử lý.	Xem xét thận trọng về xếp hạng tín nhiệm của các Tổ chức tín dụng mà Công ty thực hiện hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi.	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện chặt chẽ các bước thẩm định, đánh giá Doanh nghiệp, thẩm định trái phiếu trước khi đầu tư;- Chỉ thực hiện đầu tư khi trái phiếu đã được đánh giá chi tiết các khía cạnh, được các cấp có thẩm quyền phê duyệt đề xuất đầu tư.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp)

Rủi ro công nghệ

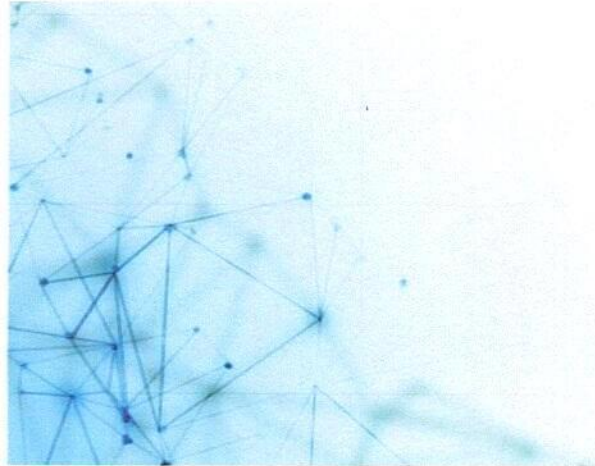
Với mục tiêu đẩy mạnh công tác giám sát và xử lý kịp thời các phát sinh liên quan đến CNTT trong thời đại 4.0, năm 2022 NVS có các hành động cụ thể để nâng cao nhận thức, cách thức nhận diện các vấn đề rủi ro tiềm ẩn CNTT đến toàn hệ thống, xác định những tác động ảnh hưởng đến kinh doanh để xây dựng một loạt các giải pháp đầu tư nguồn lực con người, đầu tư quy trình, đầu tư các phần mềm, thiết bị hỗ trợ lưu trữ, bảo mật dữ liệu, nâng cấp công nghệ áp dụng quản lý dữ liệu. Ngoài ra, NVS cũng xây dựng hệ thống kịch bản xử lý rủi ro hoạt động nói chung, rủi ro CNTT nói riêng và thường xuyên đánh giá lại khả năng quản lý hiệu quả các chỉ tiêu đo lường rủi ro CNTT, thiết lập hệ thống thu thập dữ liệu cơ bản, theo dõi hoạt động và đánh giá về hiệu quả của chương trình quản lý rủi ro CNTT so với giai đoạn trước đó.



Rủi ro tuân thủ

Rủi ro tuân thủ và kiểm soát các rủi ro về mặt tuân thủ là hoạt động luôn được cấp lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm, cũng như đưa ra nhiều chính sách để phòng ngừa, hạn chế. Hiện nay Công ty đã và đang thực hiện các giải pháp sau đây:

- Xây dựng các quy trình trên tinh thần phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động;
- Phát triển các hệ thống công nghệ, phần mềm để tự động hóa việc kiểm soát tuân thủ, chức năng cảnh báo và cung cấp các báo cáo phục vụ cho công tác quản lý;
- Tăng cường, củng cố khuôn khổ pháp lý trong công tác quản lý, giám sát và điều hành hoạt động trên tất cả các lĩnh vực của Công ty;
- Tăng cường hơn nữa sự kết nối, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa tất cả các bộ phận của Công ty để đảm bảo sự năng suất, hiệu quả, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận hành.



Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là các rủi ro rất khó đo lường, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín của Công ty do xuất phát từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, việc không tuân thủ các hợp đồng đã ký kết, sự thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác. Các rủi ro pháp lý mà mỗi công ty thường gặp chủ yếu liên quan đến vấn đề pháp luật, thủ tục hành chính, hợp đồng, tố tụng.

Để ngăn chặn các rủi ro pháp lý, Công ty đã thiết lập các biện pháp để nhận diện, phòng ngừa và hạn chế rủi ro pháp lý phát sinh như:

- Phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật mới đến HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các cấp lãnh đạo và phòng ban có liên quan;
- Kiểm tra hồ sơ, giấy tờ pháp lý trước khi ký kết các hợp đồng, cam kết, thỏa thuận với bất kỳ đối tác/khách hàng, kiểm tra việc ký kết cũng như tiến độ thực hiện;
- Xây dựng quy chế, quy trình nội bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động, tuân thủ và cập nhật quy định pháp luật, cụ thể hóa các công việc pháp lý thành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể, biên soạn các hợp đồng, văn bản mẫu đối với các dịch vụ thường xuyên cung cấp, cũng như các điều khoản mẫu bắt buộc tại các hợp đồng, thỏa thuận để việc sử dụng đáp ứng các chuẩn mực của Công ty; đảm bảo các quy chế, quy trình nội bộ, sản phẩm, đến các cam kết, hợp đồng... của Công ty trước khi được ban hành hoặc triển khai đều được kiểm tra và cho ý kiến từ bộ phận pháp chế.

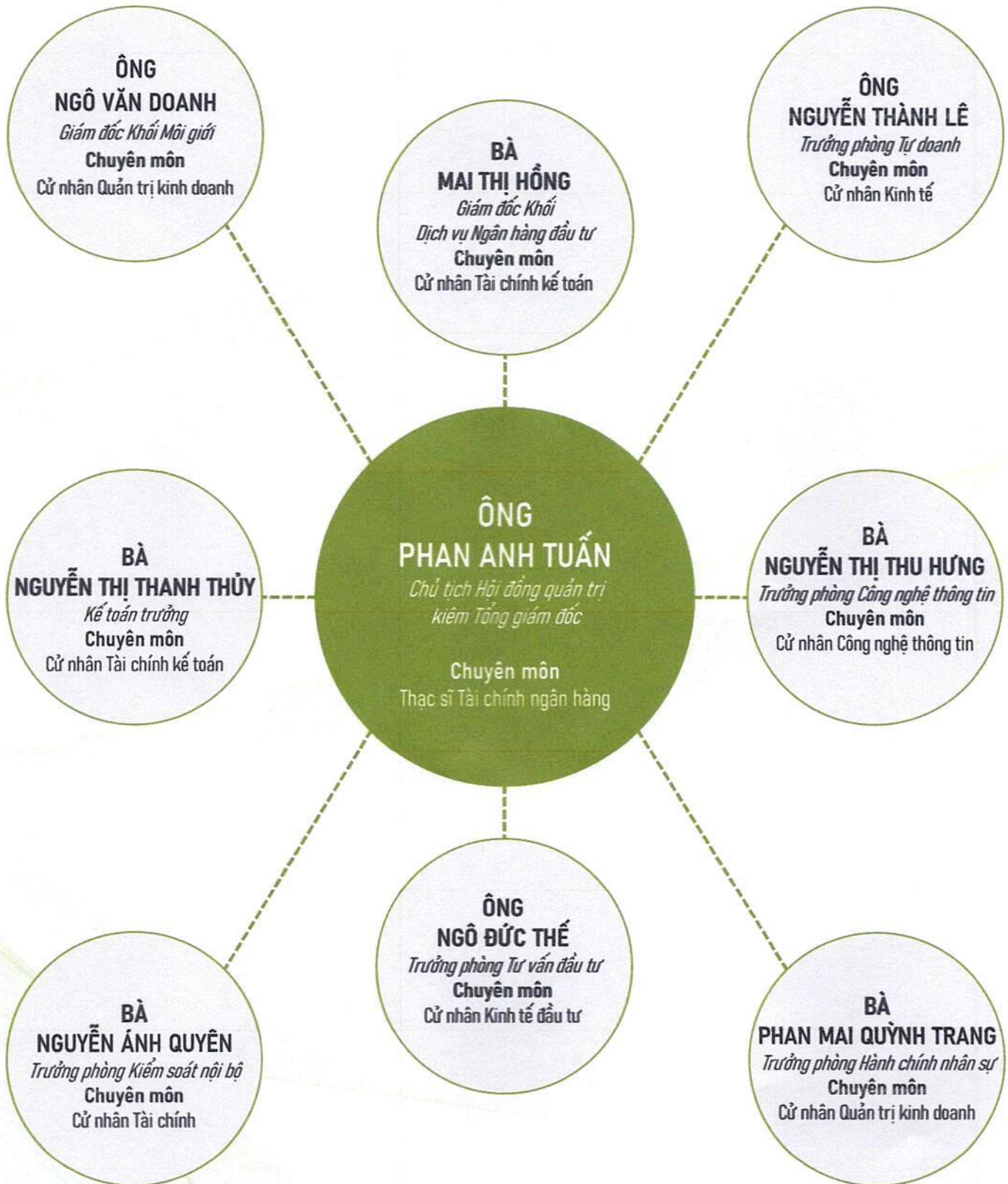


CHƯƠNG 2 | QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	14
THÀNH VIÊN, CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
ỦY BAN KIỂM TOÁN – TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN	19

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH



**Hiện nay, ban điều hành Công ty đều có Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 0%.*

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp)



	Số lượng nhân sự	% nhân sự mỗi bộ phận/Tổng nhân sự	Số lượng nhân sự có chứng chỉ hành nghề	% nhân sự có chứng chỉ hành nghề/Mỗi bộ phận
Ban Giám đốc	1	3%	1	100%
Bộ phận môi giới	3	10%	3	100%
Bộ phận tư doanh	3	10%	3	100%
Bộ phận bảo lãnh phát hành	3	10%	3	100%
Bộ phận tư vấn đầu tư	3	10%	3	100%
Bộ phận khác	17	57%	0	0%
Tổng số	30	100%	13	43%

Con người là tài nguyên, là động lực phát triển cho mọi thành công mà NVS có được ngày hôm nay. Do đó đầu tư phát triển nguồn nhân lực luôn là kim chỉ nam, là định hướng để doanh nghiệp thực hiện các chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững.

Năm 2022, tổng số cán bộ nhân viên tại NVS là 30 người, tăng 25% so với năm 2021. Nguồn nhân lực của Công ty đa dạng về lứa tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo và trình độ chuyên môn, tuy nhiên tập trung chủ yếu ở độ tuổi 22-38 (chiếm trên 50%) và có trình độ từ đại học trở lên (chiếm 100%).

Các chính sách nhân sự hoạt động trong công ty bao gồm: chính sách tuyển dụng nhân sự mới, chính sách đào tạo cho nhân sự, chính sách nghỉ việc cũng như các chính sách về lương, thưởng và đãi ngộ...

NVS luôn hướng đến sự duy trì và ổn định hệ thống tổ chức và cán bộ nhân viên. Tiêu biểu là 60% cán bộ nhân viên của NVS đều đã gắn bó với công ty từ 8-15 năm, tuy có sự chuyển giao công việc nhưng chất lượng nhân sự luôn được ổn định. Điều này không chỉ thể hiện sự ổn định của NVS mà còn đảm bảo nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động của công ty.



Tăng trưởng nhân sự NVS qua các năm

THÀNH VIÊN, CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Năm 2022, HĐQT của NVS gồm 5 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập HĐQT. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị hiện tại được đánh giá giàu năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kế toán, luật và quản trị doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng quản trị luôn có những đóng góp tích cực, nhạy bén và độc lập đối với công việc hoạt động của Công ty.

STT	Họ tên	Chức danh	Chuyên môn	Số cổ phần sở hữu tại 31/12/2022	
				Số cổ phần (*)	Tỷ lệ (**)
1	Ông Phan Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Tài chính	0	0%
2	Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	Tài chính	4.280.000	16,98%
3	Bà Lê Kim Chi	Thành viên HĐQT	Tài chính	0	0%
4	Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên độc lập	Tài chính	0	0%
5	Ông Lê Chí Phúc	Thành viên độc lập	Tài chính	0	0%

(*) Toàn bộ số cổ phần nêu trên là cổ phần phổ thông

(**) Tỷ lệ được tính trên 25.200.000 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31/12/2022

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị NVS. Hội đồng quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai nghị quyết của ĐHCĐ, nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo các hoạt động của NVS được tiến hành đúng với Quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị đã tham mưu cho Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực nhân sự lương thưởng, quản trị rủi ro. Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán đã phối hợp chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ tổ chức các chương trình kiểm tra hoạt động, kiểm toán toàn diện, kiểm toán đột xuất và kiểm toán chuyên đề đối với các đơn vị trong nội bộ, đảm bảo nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật và quy định nội bộ của NVS.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hiện tại, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị NVS đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó có 02 thành viên độc lập.

THÀNH VIÊN, CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)

Chi tiết về các Nghị quyết HĐQT đã được thông qua như sau

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/2022/NVS/NQ-HĐQT	20/01/2022	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo sơ bộ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty. Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank. Thông qua kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào tháng 4/2022. 	100%
02	02/2022/NVS/NQ-HĐQT	22/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo kết quả đăng ký cung cấp dịch vụ ứng trước. Thông qua việc triển khai thực hiện đăng ký thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo đề nghị của Tổng Giám đốc. 	100%
03	03/2022/NVS/NQ-HĐQT	27/09/2022	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo về việc hoàn thành đăng ký thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam. Thông qua kế hoạch triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị để miễn nhiệm bà Lê Kim Chi – thành viên Hội đồng quản trị theo đơn đề nghị từ nhiệm của bà Lê Kim Chi. 	100%
04	04/2022/NVS/NQ-HĐQT	27/12/2022	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua đề xuất đưa nội dung miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị vào nội dung họp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Quyết định bổ sung Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty cùng với Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thông qua tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị kèm theo Nghị quyết. Thông qua Tờ trình của Chủ tịch HĐQT về việc phân quyền cho Tổng Giám đốc linh hoạt thực hiện phương án trích lập các quỹ năm 2021 và kế hoạch lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. 	100%

ỦY BAN KIỂM TOÁN – TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo quy định hiện hành cũng như theo tiêu chuẩn quốc tế, Hội đồng quản trị đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán là tư vấn và giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ Công ty.

Ủy ban kiểm toán bao gồm 02 thành viên, được bổ nhiệm vào ngày 28/06/2021 tại Nghị quyết Hội đồng quản trị quý 2/2021 của công ty. Trong đó:

- Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh được bổ nhiệm vị trí Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
- Ông Nguyễn Sơn được bổ nhiệm vị trí thành viên Ủy ban kiểm toán

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty.

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Lê Nguyễn Hoàng Anh	2	100%	100%
2	Nguyễn Sơn	2	100%	100%

Cuộc họp Ủy ban kiểm toán năm 2022 và sự tham gia của các thành viên

Hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2022

- Rà soát, kiểm tra và đôn đốc sửa đổi, bổ sung các quy trình;
- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh so với kế hoạch được giao của Công ty;
- Rà soát, kiểm tra tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố thông tin liên quan đến kết quả tài chính công ty;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ và đôn đốc kiểm toán nội bộ theo dõi các giao dịch liên quan đến phòng chống rửa tiền;
- Theo dõi, đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN



- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương cũng như thù lao của Công ty. Thành viên Ủy ban kiểm toán được hưởng lương hàng tháng. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý hưởng lương hàng tháng và có các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2022 không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ nào được thực hiện.

- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2022 không phát sinh hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các quy định về quản trị Công ty luôn được chú trọng và tuân thủ triệt để. Các quy định về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ đang được hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu luật định. Quy chế quản trị nội bộ cũng đã đang trong tiến trình bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị công ty cũng như yêu cầu luật định.



CHƯƠNG 3 | BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2022	21
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	26
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	28
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2022

Trong năm 2022, các nền kinh tế từng bước mở cửa trở lại, dù vẫn ghi nhận những diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 và các dịch bệnh mới (như bệnh đậu mùa khỉ). Xung đột Nga - Ukraina bùng phát từ tháng 2-2022 và kéo dài đã ảnh hưởng nặng nề đến đà phục hồi của chuỗi cung ứng, giá nhiều mặt hàng trên thị trường thế giới tăng cao, an ninh năng lượng, an ninh lương thực ở nhiều nước, kể cả các nền kinh tế hàng đầu bị đe dọa, xu hướng liên minh đối đầu - trả đũa gia tăng giữa một số nhóm nền kinh tế.

Năm 2022, lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ, khiến các chính phủ phải thắt chặt chính sách tiền tệ, điều kiện tài chính bị thắt chặt đáng kể. Điều kiện kinh tế khó khăn hơn buộc giới đầu tư phải thận trọng hơn trong hoạt động đầu tư.

Mặc dù tác động của đại dịch đã giảm ở hầu hết các quốc gia, nhưng những làn sóng kéo dài của nó vẫn tiếp tục làm gián đoạn hoạt động kinh tế, đặc biệt là ở Trung Quốc khi thời gian phong tỏa kéo dài vì đối phó đại dịch Covid. Ba nền kinh tế lớn nhất thế giới, gồm Trung Quốc, khu vực đồng Euro và Hoa Kỳ, được dự đoán sẽ tăng trưởng chậm lại đáng kể vào năm 2023, phản ánh các nguy cơ rủi ro trở thành hiện thực: thắt chặt các điều kiện tài chính toàn cầu ở hầu hết các khu vực, kỳ vọng tăng lãi suất mạnh hơn của các ngân hàng trung ương lớn để chống lạm phát.

KINH TẾ THẾ GIỚI

Đối mặt với áp lực lạm phát cao và kéo dài, nhiều nền kinh tế thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất điều hành. Trong năm 2022 đã có khoảng 305 lượt tăng lãi suất ở nhiều ngân hàng Trung ương trên thế giới.

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã tăng lãi suất bảy lần trong năm 2022. Cụ thể, lãi suất tại thời điểm cuối năm 2022 đã lên tới biên độ 4,25 - 4,5%, mức chi phí đi vay cao nhất kể từ

năm 2007. Dù ghi nhận rủi ro suy thoái kinh tế gia tăng trong năm 2023, FED vẫn nhấn mạnh khả năng tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát trong năm 2023.

Thị trường du lịch quốc tế phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch COVID-19, thương mại toàn cầu tăng trở lại. Theo Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD), tổng giá trị thương mại toàn cầu năm 2022 ước đạt 32 nghìn tỷ USD. Trong đó, thương mại hàng hóa ước đạt 25 nghìn tỷ USD, tăng 10% so với năm 2021. Nguyên nhân một phần do giá năng lượng cao hơn. Dịch vụ tăng 15%, lên mức kỷ lục 7 nghìn tỷ USD. Tuy nhiên, UNCTAD cũng nhấn mạnh tăng trưởng thương mại đang chậm lại trong nửa cuối năm 2022 và dự kiến sẽ chịu ảnh hưởng tiêu cực hơn vào năm 2023 do căng thẳng địa chính trị và xu hướng thắt chặt điều kiện tài chính vẫn tiếp diễn



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2022 (tiếp)

KINH TẾ VIỆT NAM

Tốc độ tăng trưởng GDP

GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022 do nền kinh tế khôi phục trở lại. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều biến động mạnh và khó đoán định, tăng trưởng ở hầu hết các quốc gia và khu vực cho thấy nhiều bất ổn và thách thức, tăng trưởng kinh tế Việt Nam được đánh giá cao bởi kết quả thực tế ở các giai đoạn 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2022 đều nằm trong và vượt dự báo tăng trưởng theo kịch bản đưa ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP. Thực tế này phần nào cho thấy hiệu quả của công tác điều hành hỗ trợ cho đà phục hồi và cải thiện khả năng chống chịu của nền kinh tế.



Tỉ lệ tăng trưởng GDP (%) của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2022



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2022 (tiếp)

Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Theo báo cáo của Cục Đăng ký kinh doanh, trong năm 2022, tình hình hoạt động của doanh nghiệp có phần ổn định và tích cực hơn. Tính cả năm 2022, có 148,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (tăng 27,1%), với tổng số vốn đăng ký là 1.590,9 nghìn tỷ đồng (giảm 1,3%) và tổng số lao động đăng ký là 981,3 nghìn lao động (tăng 14,9%).

Tuy nhiên, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và số doanh nghiệp hoàn tất giải thể trong năm 2022 vẫn gia tăng. Tính chung trong năm 2022, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 73,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 34,3% so với năm 2021; gần 50,8 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 5,5%; 18,6 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 11,2%. Bình quân một tháng có 11,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Thực tế trong những tháng cuối năm 2022 cũng chứng kiến nhiều khó khăn đối với cộng đồng doanh nghiệp:



Ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tính đến thời điểm 21-12-2022, tổng phương tiện thanh toán tăng 3,85% so với cuối năm 2021 (cùng thời điểm năm 2021 tăng 8,31%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 5,99% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 7,73%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 12,87% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 12,53%). Theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chủ động, linh hoạt ổn định thị trường tiền tệ, ứng phó xu hướng lạm phát và lãi suất tăng cao trên thế giới. Như vậy, chính sách tiền tệ mặc dù thành công trong việc kiểm soát lạm phát, bảo vệ tỷ giá nhưng rủi ro của hệ thống ngân hàng lại tăng lên.

Vào những tháng cuối năm 2022, áp lực lạm phát phần nào được kiểm chế bởi những nỗ lực điều hành quyết liệt, linh hoạt và có trọng tâm của Chính phủ. Công tác tháo gỡ khó khăn đối với nguồn cung xăng dầu trong nước được đẩy nhanh. Nỗ lực ổn định tỷ giá đã giúp giảm áp lực lạm phát và kỳ vọng lạm phát. Quốc hội, Chính phủ đã quyết liệt cắt giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu trong năm 2022 theo quy trình pháp luật cho phép và sớm đánh giá, cân nhắc điều chỉnh sắc thuế này cho năm 2023.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2022 (tiếp)

Đầu tư phát triển có nhiều khởi sắc

Ước tính năm 2022, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành đạt 3.219,8 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm trước.

Tổng lượng vốn FDI đăng ký tính đến ngày 20-12-2022 đạt 27,72 tỷ USD, bằng 89% so với cùng kỳ năm 2021. Năm 2022 lại ghi nhận lượng vốn FDI thực hiện cao kỷ lục. Vốn FDI thực hiện đạt 22,4 tỷ USD trong năm 2022, tăng 13,7% so với năm 2021 và tăng 10% so với năm 2019.

Theo đó, Việt Nam là một trong những điểm đến đầu tư và kinh doanh năng động nhất châu Á, hình ảnh một quốc gia đang nỗ lực hiện thực hóa những cam kết mạnh mẽ và định hướng rõ ràng từ Hội nghị Thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc năm 2021 (COP26) về thu hút đầu tư chất lượng cao hướng đến nền kinh tế trung hòa các-bon và tăng trưởng xanh. Bên cạnh đà phục hồi kinh tế khá vững chắc, tư duy hướng tới một nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh mới và sự quyết liệt trong chuyển đổi sang kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với đổi mới sáng tạo chính là những yếu tố hấp dẫn nhà đầu tư.

Tình hình xuất, nhập khẩu nhiều gam màu sáng

Năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 371,85 tỷ USD, tăng 10,4%; giá xuất khẩu hàng hóa tăng 7,09% và lượng hàng hóa xuất khẩu tăng 3,09%; cán cân thương mại đạt thặng dư, ước tính xuất siêu 11,2 tỷ USD, ghi dấu ấn xuất siêu 7 năm liên tiếp. Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam năm 2022, tiếp đến là Trung Quốc, Nhật Bản. Ngoài ra, năm 2022 chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ trong xuất khẩu tới các nước, như Hà Lan và Đan Mạch, cùng tăng 36,2%.

Tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2022 ước đạt 360,65 tỷ USD, tăng 8,4%. Trong đó, giá nhập khẩu tăng tới 8,56%, còn lượng hàng nhập khẩu giảm 0,15%. Việc khai thác tối đa lợi ích từ các FTA đã thúc đẩy tăng trưởng xuất, nhập khẩu. Đặc biệt, Hiệp định Thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) đã thúc đẩy hoạt động thương mại, mở ra cơ hội xuất khẩu lớn cho các mặt hàng nông sản, thủy sản, dệt may, da giày... của Việt Nam.



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2022 (tiếp)

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH



Thị trường tài chính năm 2022 càng về cuối năm càng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là lĩnh vực phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) trong quý 4/2022 chỉ đạt 3.619 tỷ đồng, giảm 94,5% so với quý 3/2022 và giảm tới 98,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, hầu hết là trái phiếu phát hành (PHTP) riêng lẻ và không có đợt phát hành trái phiếu công chúng nào. Các DN bất động sản (BDS) chiếm tỷ trọng 17,4% tổng giá trị PHTP riêng lẻ, tương đương 630 tỷ đồng. Lãi suất phát hành TPDN của các DN BDS trong quý 4/2022 có xu hướng tăng so với quý trước, lên mức trung bình 12%/năm. Các đơn vị tài chính – ngân hàng chỉ có một đợt phát hành đến từ Ngân hàng Thương mại Đầu tư và Phát triển Việt Nam, với 285 tỷ đồng, chiếm 7,9% tổng GTPH trong quý. Các ngành khác chiếm 27,8% tổng giá trị PHTP riêng lẻ trong quý, tương đương 1.005 tỷ đồng, giảm 70,2% so với quý trước.

Giá trị PHTP giảm mạnh trong quý 4/2022 đến từ hai nguyên nhân chính:

- ▶ Một là, Nghị định 65/2022/NĐ-CP (NĐ65) của Chính phủ được ban hành vào 16/9/2022 đưa ra những quy định đã thắt chặt cả về phía cung và phía cầu đối với thị trường TPDN.
- ▶ Hai là, niềm tin của nhà đầu tư đã giảm, sau khi cơ quan quản lý Nhà nước chỉ ra một loạt các sai phạm của DN phát hành.

Cụ thể, thị trường TPDN Việt Nam bùng nổ trong giai đoạn 2020-2021, tuy nhiên những rủi ro đầu tư đã bộc lộ qua một số sai phạm xảy ra đầu năm 2022. Điều này khiến nhà đầu tư suy giảm niềm tin vào kênh dẫn vốn quan trọng này. NĐ65 đặt ra các điều kiện và yêu cầu nghiêm ngặt hơn đối với việc PHTP riêng lẻ. Ngoài ra, NĐ65 nâng cao những tiêu chí công nhận nhà đầu tư (NĐT) chuyên nghiệp khi thời gian gần đây nhiều NĐT đã bị thiệt hại do thực hiện các khoản đầu tư TPDN có rủi ro cao và không có đánh giá cẩn thận

Tính chung, thị trường TPDN năm 2022 có tổng GTPH giảm 64% so với cùng kỳ, chỉ đạt 269.733 tỷ đồng. Trong đó, trái phiếu phát hành riêng lẻ chiếm 97%, đạt 261.934 tỷ đồng; phát hành ra công chúng đạt 7.799 tỷ đồng. Ngành tài chính – ngân hàng là nhóm ngành dẫn đầu, chiếm 56% tổng GTPH năm 2022 đạt 151.141 tỷ đồng, giảm 45% so với cùng kỳ. Nhóm BDS ghi nhận mức sụt giảm 79%, chỉ đạt 62.310 tỷ đồng, chiếm 23% tổng GTPH.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2022 là một năm khó khăn đối với ngành chứng khoán, đến từ nhiều yếu tố bên ngoài và bên trong, bao gồm thị trường cổ phiếu suy giảm, thị trường trái phiếu doanh nghiệp bị siết chặt, các điều kiện tài chính thắt chặt hơn và tâm lý thận trọng của nhà đầu tư cá nhân. Tình hình kinh doanh khó khăn đã khiến giá cổ phiếu ngành chứng khoán giảm 61,8% trong năm 2022, cao hơn nhiều so với mức giảm 32,8% của VN-Index. Là một công ty chứng khoán có quy mô vốn ở mức trung bình trên thị trường, tình hình tài chính của NVS cũng chịu nhiều ảnh hưởng.

TỔNG DOANH THU
HOẠT ĐỘNG **135 TỶ VNĐ**

▼ **54,62%** SO VỚI
NĂM 2021

LỢI NHUẬN
SAU THUẾ **1,2 TỶ VNĐ**

▼ **96,23%** SO VỚI
NĂM 2021

Mặc dù hiệu quả kinh doanh năm 2022 giảm mạnh so với năm 2021 nhưng công ty vẫn duy trì được mức lợi nhuận dương. Điều này giúp công ty bảo toàn được thành quả đã đạt được năm 2021, cụ thể:

Tổng tài sản đạt **430 tỷ đồng**

Giảm nhẹ **4,94%** do giá trị một số khoản đầu tư của công ty bị suy giảm

Vốn chủ sở hữu đạt **283 tỷ đồng**

Tăng **0,43%**

Tỷ số lợi nhuận ròng/Vốn chủ sở hữu BQ (ROEE) năm 2022 chỉ ở mức 0,42%

Tỷ số lợi nhuận ròng/Tổng tài sản BQ (ROAE) đạt 0,27%

Hai tiêu chí này phản ánh rõ khả năng sinh lời của Vốn chủ sở hữu và Tổng tài sản của công ty trong năm 2022 đã suy giảm mạnh so với năm 2021 do tình hình thị trường chứng khoán gặp nhiều khó khăn.

Năm 2022, Công ty không có khoản đầu tư lớn được giải ngân.

Hiện nay, Công ty không có công ty con, công ty liên kết

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	452.961.116.985	430.579.905.866	-4,94%
Tài sản ngắn hạn	443.031.580.926	420.230.169.653	-5,15%
Doanh thu hoạt động	298.131.500.223	135.303.468.770	-54,62%
Kết quả hoạt động	39.787.873.608	1.533.877.860	-96,14%
Lợi nhuận khác	77.890.093	-12.326.261	-115,83%
Lợi nhuận trước thuế	39.865.763.701	1.521.551.599	-96,18%
Lợi nhuận sau thuế	31.891.902.780	1.202.650.757	-96,23%

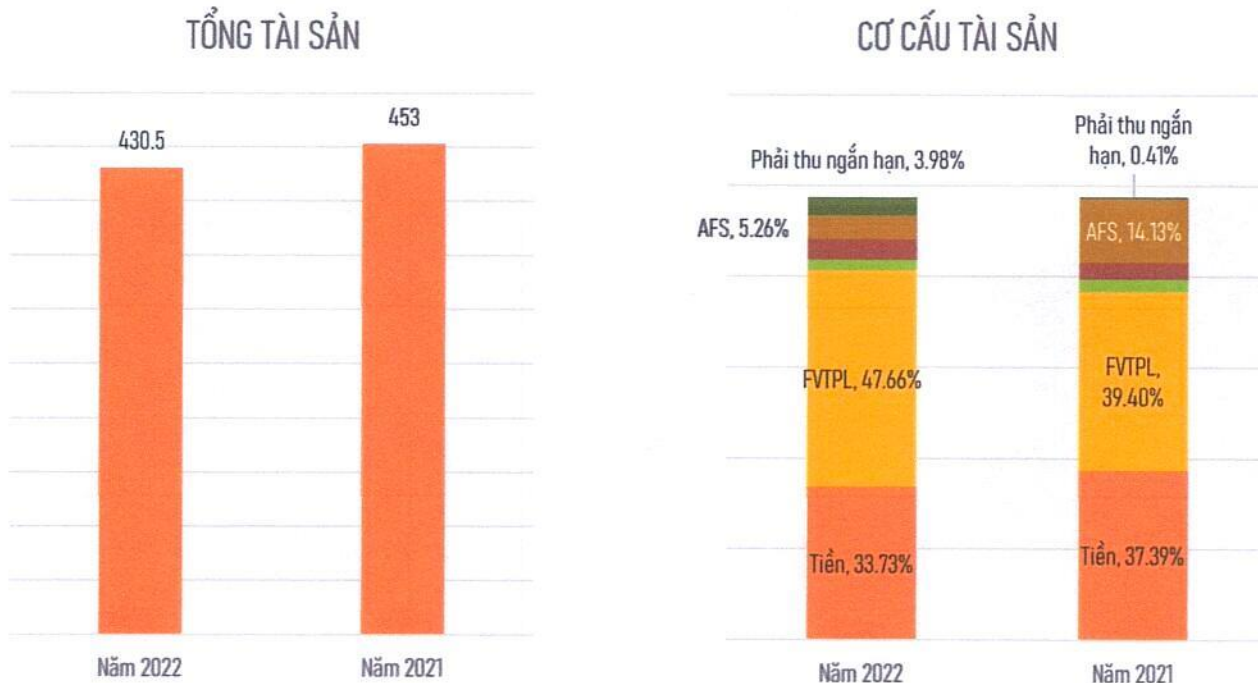
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	2,66	2,86	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	2,66	2,86	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,38	0,38	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,60	0,52	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	65,82%	31,42%	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	10,70%	0,89%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bq	%	13,63%	0,42%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq	%	8,84%	0,27%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	13,35%	1,13%	

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI SẢN 2022

Năm 2022 tổng tài sản NVS đạt 430 tỷ đồng, giảm nhẹ 4,94% so với năm 2021



Do đặc thù là công ty chứng khoán nên tài sản của công ty được hình thành chủ yếu bởi tài sản ngắn hạn. Năm 2022, Tài sản ngắn hạn chiếm 97,6% tổng tài sản của công ty, Tài sản dài hạn chỉ chiếm 2,4% tổng tài sản. Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: gồm các khoản tiền gửi, tiền và tương đương tiền của Công ty chiếm đến 33,73% tổng tài sản. Công ty luôn quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư và tiền của Công ty, đảm bảo khả năng giao dịch cho Nhà đầu tư và thanh toán các khoản thanh toán bù trừ. Đồng thời Công ty sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu cung cấp phục vụ dịch vụ tài chính hỗ trợ cho khách hàng giao dịch chứng khoán tại Công ty. Công ty cũng sử dụng vốn chủ sở hữu trên nguyên tắc linh hoạt và đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả cao.
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): Gồm 52 tỷ đồng cổ phiếu niêm yết và 152 tỷ đồng trái phiếu chưa niêm yết. Các Trái phiếu công ty nắm giữ đều được đánh giá chặt chẽ, được đảm bảo bởi tài sản có chất lượng cao, doanh nghiệp phát hành có tiềm lực tài chính mạnh. Có thể kể đến một số trái phiếu như: trái phiếu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex), Trái phiếu CTCP Kinh doanh và phát triển Bình Dương, CTCP Đầu tư Tonkin... Tỷ trọng các tài sản tài chính của công ty chiếm 47,66% Tổng tài sản.

Tài sản dài hạn gồm các tài sản tài chính dài hạn, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác. Tài sản dài hạn chiếm tỉ lệ thấp, chỉ chiếm 2,4% trong tổng cơ cấu tài sản. Công ty chỉ mua sắm những tài sản thực sự cần thiết cho hoạt động kinh doanh. Công ty đã tiến hành đầu tư công nghệ cho hệ thống giao dịch trực tuyến ngày càng hoàn thiện và bảo mật.

Có thể thấy phần lớn tài sản của NVS là tài sản ngắn hạn có chất lượng tốt và thanh khoản cao. Các khoản phải thu, cho vay đối với nhà đầu tư đều tuân thủ theo đúng quy trình và quy định nhằm hạn chế tối đa rủi ro tài chính. Tài sản được sử dụng linh hoạt và hiệu quả nên hiệu suất sử dụng tài sản ngày càng nâng cao minh chứng qua việc hiệu quả kinh doanh ngày càng cải thiện qua các năm.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp)

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	Năm 2021	Tỷ trọng năm 2021	Năm 2022	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ lệ % tăng/giảm
Nợ phải trả	170.540.768.417	37,65%	146.956.906.541	34,13%	-13,83%
I. Nợ ngắn hạn	166.438.133.448	36,74%	146.956.906.541	34,13%	-11,70%
II. Nợ dài hạn	4.102.634.969	0,91%	-	0,00%	-100,00%
Vốn chủ sở hữu	282.420.348.568	62,35%	283.622.999.325	65,87%	0,43%
Tổng cộng nợ và vốn chủ sở hữu	452.961.116.985	100,00%	430.579.905.866	100,00%	-4,94%

Bảng tình hình nguồn vốn (Đơn vị: Đồng)

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2022 giảm 13,83% so với cùng thời điểm năm 2021 chủ yếu do tăng Nợ ngắn hạn cụ thể:

- Nợ ngắn hạn: NVS hạn chế dùng đến vốn vay với Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn năm 2022 chỉ phát sinh 7,7 tỷ đồng và đã được thanh toán hết tại thời điểm 31/12/2022.
- Vốn chủ sở hữu năm 2022 của công ty tăng nhẹ thêm 0,43% lên mức 283,6 tỷ đồng.

Tổng Nợ phải trả chỉ chiếm 34,13% trong Tổng cơ cấu nguồn vốn của NVS. Công ty luôn kiểm soát tốt các khoản nợ và có kế hoạch nguồn chi tiết cho việc thanh toán. Hệ số thanh toán của Công ty luôn đạt mức cao, các khoản tương đương tiền và tài sản ngắn hạn luôn cao hơn Nợ phải trả nhiều lần để sẵn sàng đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn. Trong năm 2022, NVS không có nợ xấu và nợ quá hạn phải trả.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm 2022, NVS đã mở rộng cơ cấu tổ chức bằng việc bổ sung nguồn nhân lực, tăng số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty. Điều này đã góp phần hỗ trợ phát triển hoạt động kinh doanh và thực hiện các nghiệp vụ của Công ty.

Việc quản lý nhân sự và phân công công việc được thực hiện theo cơ cấu quản lý của từng phòng ban trong sự thống nhất quản lý chung của Ban Giám đốc và tuyệt đối tuân thủ Điều lệ Công ty, Sổ tay nhân viên và quy chế lao động.

Năm 2022, NVS cũng tiến hành sửa đổi một số biểu mẫu của Công ty để phù hợp với sự thay đổi của pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn chung của thị trường chứng khoán đầy biến động.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2023 có thể sẽ là một năm khó khăn nhưng với chiến lược kinh doanh bình ổn cùng đội ngũ cán bộ, nhân viên nhiệt thành, hoàn toàn có thể mong chờ Công ty vượt qua được khủng hoảng này và đạt được những thành tựu đáng kể trong kinh doanh vào nửa cuối năm 2023.

Mục tiêu năm 2023 của Công ty là vừa củng cố nền tảng quản trị vận hành hiệu quả, song song với bình ổn các chỉ tiêu kinh doanh để tạo tiền đề phát triển. Ban Điều hành sẽ chỉ đạo các phòng ban chuyên môn thực hiện tốt và phát triển nghiệp vụ của các phòng ban, đưa NVS vận hành hiệu quả và có những bước tiến vượt trội trong hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, Ban Giám đốc sẽ đẩy mạnh thực hiện nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, nhân viên công ty bằng các buổi đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm và chính sách khuyến khích trau dồi kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành, chú trọng đến cơ chế đãi ngộ nhân viên nhằm tạo môi trường làm việc công bằng, gắn kết nội bộ Công ty và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trước những thách thức của thị trường, bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính nói trên đặt ra thách thức vô cùng lớn đối với NVS trong năm 2022. Với mục tiêu duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giảm thiểu rủi ro trong đầu tư và đảm bảo tuân thủ pháp luật, dưới sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Ban lãnh đạo Công ty, cùng sự nhất trí của tập thể cán bộ nhân viên trong công ty, được sự hỗ trợ và tin tưởng của các đối tác và của Quý cổ đông, NVS vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi.

Trong năm 2022, tổng doanh thu hoạt động của NVS giảm 54,62% từ mức 298 tỷ xuống còn 135 tỷ. Trong đó, doanh thu từ môi giới chứng khoán giảm từ 97 tỷ xuống còn 4,9 tỷ đồng.

Mảng tự doanh chứng khoán của công ty vẫn tập trung theo định hướng đầu tư cơ bản, chỉ nắm giữ các cổ phiếu và trái phiếu của doanh nghiệp sở hữu tài sản chất lượng tốt có khả năng sinh lời cao. Nhờ chiến lược này mà năm 2022 công ty duy trì được mức lợi nhuận khả quan trong khi mức thanh khoản của thị trường sụt giảm mạnh dẫn tới nghiệp vụ môi giới không còn đem lại lợi nhuận đột biến.

Nhờ chiến lược hoạt động đúng đắn mà công ty đã vượt qua năm 2022 nhiều sóng gió, trong điều kiện thị trường có nhiều biến động và còn khó khăn, kết quả này là đáng ghi nhận, tiếp tục tích lũy kinh nghiệm và nguồn lực cho giai đoạn thị trường hồi phục những năm tiếp theo.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Thông qua cơ chế giám sát, kiểm tra và đánh giá định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và năm về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã hoàn thành các tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đảm bảo lợi ích tối đa của Công ty. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Giám đốc Công ty cùng những nỗ lực và đóng góp của toàn thể cán bộ, nhân viên NVS trong việc duy trì kết quả kinh doanh ổn định của năm 2022.
- Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn đánh giá cao những chính sách liên quan đến việc sử dụng lao động, chính sách đãi ngộ và các hoạt động phát triển văn hóa công ty, tạo sự đoàn kết, gắn bó trong môi trường làm việc.

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Kết quả kinh doanh của năm 2022 là động lực thúc đẩy cho năm 2023, Hội đồng quản trị đã cùng đưa ra những định hướng và chiến lược để NVS có thể phát triển ổn định trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường chứng khoán đang có những bước phục hồi sau nhiều biến động, cụ thể:

- Tập trung phát triển 03 mảng nghiệp vụ cốt lõi là tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành chứng khoán và môi giới chứng khoán.
- Quản lý an toàn, duy trì nguồn vốn của Cổ đông
- Duy trì hoạt động ổn định của công ty, thực hiện phát triển nhanh nhưng phải đảm bảo an toàn và hiệu quả.
- Đẩy mạnh dịch vụ hỗ trợ trực tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong quá trình thực hiện các giao dịch.

CHƯƠNG 4 | HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	32
ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	33

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



TIÊU THỤ NƯỚC

Mặc dù đặc thù doanh nghiệp không sử dụng nhiều điện và nước trong việc vận hành hệ thống nhưng NVS luôn ý thức được tầm quan trọng của 2 nguồn tài nguyên này đối với nhu cầu chung của xã hội. Chúng tôi luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp như một nỗ lực không ngừng nghỉ. NVS thường xuyên tuyên truyền thực hiện chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn Công ty và phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên ý thức được việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn năng lượng này:

- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.
- Không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa.
- Năm 2022, NVS đã đẩy mạnh việc tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm đến cán bộ công nhân viên trong Công ty



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ngoài việc cung cấp các phúc lợi như lương, thưởng cho nhân viên, NVS còn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo nhiều cấp độ để có thể cải thiện con đường sự nghiệp của họ trong tương lai và chuẩn bị cho họ đối mặt với những thách thức toàn cầu của thị trường lao động. Chúng tôi quản trị vấn đề giáo dục và đào tạo của mình thông qua một hệ thống các chương trình đào tạo nhân viên mới và đào tạo nghiệp vụ nội bộ.

- Số lượng lao động: Tính đến ngày 31/12/2022, số lượng cán bộ nhân viên toàn Công ty là 30 người.
- Thu nhập bình quân của người lao động tại NVS khoảng 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Việc tuân thủ các luật định về Môi trường, Kinh tế, Xã hội thể hiện trách nhiệm cơ bản của doanh nghiệp đối với các tác động của mình. NVS luôn đảm bảo mức độ tuân thủ của mình ở mức cao nhất. Phòng Hành chính Nhân sự và các bộ phận nghiệp vụ liên quan khác có trách nhiệm cập nhật các yêu cầu pháp luật liên quan để đảm bảo sự tuân thủ và điều chỉnh tương ứng các hoạt động của Công ty. Điều này thể hiện ở việc, trong năm 2022 vừa qua, Công ty chưa có lần xử phạt vi phạm nào do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

NVS cam kết hoạt động vì sự phát triển của cộng đồng, nơi chúng tôi sống và làm việc.

Ý thức được tác động mà Công ty có thể mang lại cho cộng đồng địa phương, NVS luôn định hướng Công ty và các bộ nhân viên:

- Tích cực tham gia hoạt động từ thiện, ủng hộ các phong trào địa phương, tham gia công tác xã hội;
- Xây dựng mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp và hỗ trợ cho hoạt động của các doanh nghiệp địa phương, phù hợp với giá trị kinh doanh của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



ĐỐI VỚI CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Tại NVS, chúng tôi quan tâm sâu sắc đến sự phát triển của từng nhân viên, do đó, đào tạo và phát triển nguồn lực là trọng tâm chính của NVS trong giai đoạn hiện nay. Chúng tôi đã và đang thiết lập một văn hóa học tập linh hoạt, khuyến khích nhân viên học hỏi và kiến thức và kỹ năng mới nhằm thích ứng với những sự thay đổi.

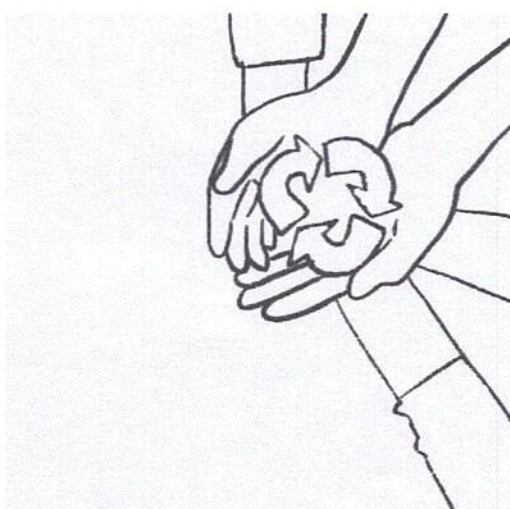
ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

NVS hướng đến một môi trường xanh - sạch - đẹp nơi công sở, hạn chế tối đa việc sử dụng đồ nhựa dùng một lần, CBVN đã có nhiều việc làm, hành động đẹp góp phần lan tỏa những thông điệp ý nghĩa về bảo vệ môi trường, hưởng ứng phong trào “Chống rác thải nhựa” tại Công ty.



ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Ý thức chia sẻ với cộng đồng đã và đang được chúng tôi xây dựng và phát huy suốt từ những ngày đầu thành lập Công ty. Các hoạt động thiện nguyện, chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn trong chính Công ty và xã hội cũng đã trở thành truyền thống tốt đẹp tại NVS.





CHƯƠNG 5 | BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-41
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-41

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014, Quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 14/05/2015, Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK ngày 13/10/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên
Bà Lê Kim Chi	Ủy viên
Ông Lê Chí Phúc	Ủy viên
Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được lập ngày 01 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2020-002-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		420.230.169.653	443.031.580.926
110	I. Tài sản tài chính		419.955.785.694	442.600.921.199
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	145.213.762.021	169.349.517.757
111.1	1.1 Tiền		66.213.762.021	160.349.517.757
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		79.000.000.000	9.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	205.195.149.201	178.448.047.596
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	10.000.000.000	12.000.000.000
114	4. Các khoản cho vay	5	19.125.673.000	16.443.768.821
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	22.629.704.000	63.982.548.488
117	6. Các khoản phải thu	6	17.131.219.163	1.849.366.841
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		13.914.505.050	-
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		3.216.714.113	1.849.366.841
117.4	6.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		3.216.714.113	1.849.366.841
118	7. Trả trước cho người bán		103.063.950	10.000.000
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	393.842.482	310.219.681
122	9. Các khoản phải thu khác	6	163.371.877	207.452.015
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		274.383.959	430.659.727
133	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	274.383.959	430.659.727
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.349.736.213	9.929.536.059
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		2.241.352.628	2.258.012.879
212	1. Các khoản đầu tư	9	3.300.000.000	3.300.000.000
212.4	1.1 Đầu tư dài hạn khác		3.300.000.000	3.300.000.000
213	1.2 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	10	(1.058.647.372)	(1.041.987.121)
220	II. Tài sản cố định		3.688.205.723	3.317.164.024
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.418.774.262	3.172.427.908
222	- Nguyên giá		10.345.343.675	9.221.820.175
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.926.569.413)	(6.049.392.267)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	269.431.461	144.736.116
228	- Nguyên giá		4.980.849.180	4.760.849.180
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.711.417.719)	(4.616.113.064)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	100.000.000
250	V. Tài sản dài hạn khác		4.420.177.862	4.254.359.156
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8	360.636.400	360.636.400
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	7	288.005.054	401.803.634
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	3.771.536.408	3.491.919.122
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		430.579.905.866	452.961.116.985

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		146.956.906.541	170.540.768.417
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		146.956.906.541	166.438.133.448
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	-	5.000.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		-	5.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	39.902.669	95.878.468
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	16	37.385.551.364	81.959.103.916
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		220.600.000	-
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	5.933.091.075	4.143.789.924
323	7. Phải trả người lao động		589.708.333	449.083.334
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	305.034.771	67.361.205
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		90.000.000	9.090.909
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	102.393.018.329	74.713.825.692
340	II. Nợ phải trả dài hạn		-	4.102.634.969
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	-	4.102.634.969
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		283.622.999.325	282.420.348.568
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	283.622.999.325	282.420.348.568
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		252.000.000.000	252.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		252.000.000.000	252.000.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		31.622.999.325	30.420.348.568
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		44.127.859.811	14.010.044.023
417.2	2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(12.504.860.486)	16.410.304.545
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		430.579.905.866	452.961.116.985

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		902.409.401	902.409.401
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		25.200.000	25.200.000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	21	28.964.390.000	16.169.840.000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	22	179.712.530.000	172.270.130.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	23	1.314.965.070.000	1.274.530.010.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		749.577.320.000	704.846.270.000
021.3	b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		559.200.000.000	559.200.000.000
021.4	c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		88.750.000	88.750.000
021.5	d. Tài sản tài chính chờ thanh toán		6.099.000.000	10.394.990.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	24	1.351.270.000	1.452.710.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.351.270.000	1.452.710.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
026	3. Tiền gửi của khách hàng	25	20.459.314.077	30.178.635.875
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		20.459.314.077	30.178.635.875
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26	20.456.640.009	30.178.635.875
031.1	4.1 <i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		20.456.640.005	30.178.635.871
031.2	4.2 <i>Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		4	4

Nguyễn Thùy Dung
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		123.899.147.607	191.746.547.533
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	28.a)	67.579.333.625	77.318.873.223
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	28.b)	39.254.385.500	50.527.993.209
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	28.c)	17.065.428.482	63.899.681.101
02	1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	28.c)	1.145.463.019	1.028.373.149
03	1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	28.c)	1.667.521.049	2.007.981.601
04	1.4 Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	28.c)	1.659.903.972	4.976.370.248
06	1.5 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		4.907.383.657	97.359.063.660
07	1.6 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		1.113.809.479	-
09	1.7 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		899.058.174	1.013.164.032
11	1.8 Thu nhập hoạt động khác		11.181.813	-
20	Cộng doanh thu hoạt động		135.303.468.770	298.131.500.223
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		102.434.214.903	145.662.750.671
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	28.a)	30.162.029.403	107.139.237.077
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	28.b)	72.272.185.500	38.523.513.594
24	2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		-	(600.731.340)
26	2.3 Chi phí hoạt động tự doanh		14.870.915.317	9.788.109.423
27	2.4 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		4.615.058.307	93.691.480.905
28	2.5 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		979.364.167	-
29	2.6 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		582.458.860	-
30	2.7 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		933.930.163	875.670.127
31	2.8 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		-	1.049.723.067
32	2.9 Chi phí các dịch vụ khác		52.383.187	92.802.058
40	Cộng chi phí hoạt động		124.468.324.904	250.559.804.911
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	29		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		429.348.529	168.230.580
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		429.348.529	168.230.580

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	30		
52	4.1 Chi phí lãi vay		5.296.574	26.704.111
54	4.2 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		16.660.251	43.116.422
60	Cộng chi phí tài chính		21.956.825	69.820.533
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	31	9.708.657.710	7.882.231.751
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.533.877.860	39.787.873.608
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		950	80.862.800
72	8.2 Chi phí khác		12.327.211	2.972.707
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(12.326.261)	77.890.093
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.521.551.599	39.865.763.701
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		34.539.351.599	27.861.284.086
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(33.017.800.000)	12.004.479.615
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	32	318.900.842	7.973.860.921
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32.1	4.421.535.811	5.582.433.311
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32.2	(4.102.634.969)	2.391.427.610
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1.202.650.757	31.891.902.780
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	34	48	1.550

Nguyễn Thùy Dung
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		1.521.551.599	39.865.763.701
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		565.090.097	213.251.632
03	- Khấu hao tài sản cố định		972.481.801	919.879.383
04	- Các khoản dự phòng		16.660.251	(557.614.918)
06	- Chi phí lãi vay		5.296.574	26.704.111
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(429.348.529)	(175.716.944)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		72.272.185.500	38.523.513.594
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		72.272.185.500	38.523.513.594
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(39.254.385.500)	(50.527.993.209)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(39.254.385.500)	(50.527.993.209)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(53.426.022.461)	43.231.095.380
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(59.764.901.605)	(122.711.476.481)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		2.000.000.000	(8.000.000.000)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(2.681.904.179)	1.032.873.485
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		41.352.844.488	32.911.402.347
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(13.914.505.050)	59.671.049.000
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(1.367.347.272)	6.410.262.115
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		136.977.199	(24.219.510)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		44.080.138	22.843.416
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(279.617.286)	(76.014.478)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		239.599.594	39.922.250
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		270.074.348	(179.167.512)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.331.709.493)	(5.366.520.778)
44	- Lãi vay đã trả		(7.222.602)	(27.055.480)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(44.666.616.502)	3.024.776.832
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(1.300.525.167)	2.535.411.997
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		140.624.999	(740.851.500)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		27.704.125.929	74.707.859.677
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.321.580.765)	71.305.631.098

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(1.243.523.500)	(395.714.700)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	7.486.364
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		429.348.529	168.230.580
70	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(814.174.971)</i>	<i>(219.997.756)</i>
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	65.000.000.000
73	2. Tiền vay gốc		7.700.000.000	92.930.000.000
73.2	2.1 Tiền vay khác		7.700.000.000	92.930.000.000
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(12.700.000.000)	(87.930.000.000)
74.3	3.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(12.700.000.000)	(87.930.000.000)
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(5.000.000.000)</i>	<i>70.000.000.000</i>
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(24.135.755.736)	141.085.633.342
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		169.349.517.757	28.263.884.415
101.1	- Tiền		160.349.517.757	12.763.884.415
101.2	- Các khoản tương đương tiền		9.000.000.000	15.500.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	145.213.762.021	169.349.517.757
103.1	- Tiền		66.213.762.021	160.349.517.757
103.2	- Các khoản tương đương tiền		79.000.000.000	9.000.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		1.397.934.657.860	1.487.723.406.900
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(1.033.420.543.000)	(1.308.449.449.900)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(373.720.500.637)	(165.079.069.068)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(512.936.021)	(600.441.640)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		2.573.096.267	2.257.069.693
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(2.573.096.267)	(2.257.069.693)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(9.719.321.798)	13.594.446.292
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		30.178.635.875	16.584.189.583
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		30.178.635.875	16.584.189.583
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		30.178.635.875	16.584.189.583
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	25	20.459.314.077	30.178.635.875
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		20.459.314.077	30.178.635.875
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		20.459.314.077	30.178.635.875

Nguyễn Thùy Dung
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2022

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2021	01/01/2022	Năm 2021		Năm 2022		31/12/2021	31/12/2022
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
				VND	VND	VND	VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		187.000.000.000	252.000.000.000	65.000.000.000	-	-	-	252.000.000.000	252.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		187.000.000.000	252.000.000.000	65.000.000.000	-	-	-	252.000.000.000	252.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(1.471.554.212)	30.420.348.568	31.891.902.780	-	1.202.650.757	-	30.420.348.568	31.622.999.325
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(8.268.806.752)	14.010.044.023	22.278.850.775	-	30.117.815.788	-	14.010.044.023	44.127.859.811
2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		6.797.252.540	16.410.304.545	9.613.052.005	-	(28.915.165.031)	-	16.410.304.545	(12.504.860.486)
TỔNG CỘNG		185.528.445.788	282.420.348.568	96.891.902.780	-	1.202.650.757	-	282.420.348.568	283.622.999.325

Nguyễn Thùy Dung
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014, Quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 14/05/2015, Giấy phép điều chỉnh số 92/GPĐC-UBCK ngày 13/10/2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 252.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 252.000.000.000 đồng; tương đương 25.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 30 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 30 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2022, thị trường chứng khoán diễn biến tiêu cực bất ngờ dẫn tới mảng tự doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Công ty ghi nhận khoản lỗ do việc đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) là 33,02 tỷ đồng. Do đó lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này giảm mạnh so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Áp dụng hướng dẫn mới

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC ("Thông tư 114") bãi bỏ toàn bộ thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ do Bộ tài chính ban hành. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Một số thay đổi chủ yếu trong Thông tư 114 có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ hoạt động bao gồm:

- Quy định việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi thực hiện theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 ("Thông tư 48") do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

Ngày 07 tháng 04 năm 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư 24") sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 48/2019/TT-BTC hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi. Theo đó, Thông tư 24 sửa đổi đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và Thông tư 24 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 05 năm 2022.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dùng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư. Trường hợp, chứng khoán có dấu hiệu giảm giá, Công ty sẽ đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Số chênh lệch đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị xác thực nhất (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK ở thời điểm cuối kỳ kế toán được theo dõi riêng trên Tài khoản cấp 2 "Chênh lệch đánh giá lại" của Tài khoản 121 - "Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" mà không ghi tăng, giảm giá mua của các tài sản tài chính trên Tài khoản "Giá mua" và được xác định cụ thể cho từng lần đánh giá lại như sau:

- Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK.
- Ở kỳ đánh giá lại lần thứ hai trở đi, giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá mua của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL và giá đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này. Chênh lệch giữa các kỳ đánh giá được hạch toán vào Tài khoản 51112 "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL" hoặc Tài khoản 63213 "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Lỗ" và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL.
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Thu nhập", chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại - Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư vào công ty khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty đó tại thời điểm gần nhất với thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	02 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	05 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 50 tháng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí phải trả các Sở giao dịch chứng khoán, chi phí đường truyền, chi phí điện nước... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về phí dịch vụ.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.17 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.18 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

2.19 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN năm tài chính hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

2.20 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>
		VND
Của Công ty Chứng khoán	86.618.257	21.269.950.885.576
- Cổ phiếu	129.200	1.619.540.000
- Trái phiếu	86.489.057	21.268.331.345.576
Của nhà đầu tư	132.897.104	2.408.786.095.160
- Cổ phiếu	132.897.104	2.408.786.095.160
	<u>219.515.361</u>	<u>23.678.736.980.736</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	4.394.000	62.168.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	66.209.368.021	160.287.349.757
Các khoản tương đương tiền	79.000.000.000	9.000.000.000
	145.213.762.021	169.349.517.757

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 6%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	64.931.782.886	52.426.922.400	54.143.242.886	74.656.182.400
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	152.768.226.801	152.768.226.801	103.791.865.196	103.791.865.196
	217.700.009.687	205.195.149.201	157.935.108.082	178.448.047.596

(*) Trái phiếu chưa niêm yết tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

- Trái phiếu Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP (BECAMEX) có tổng số dư là 33.059.311.164 đồng, bao gồm:

+ Trái phiếu BECAMEX 2020 có giá gốc là 31.800.832.353 đồng có thời hạn là 04 năm kể từ ngày phát hành 15/08/2020 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2022 là 13,5%/năm;

+ Trái phiếu BECAMEX 2021 có giá gốc là 1.258.478.811 đồng có thời hạn là 05 năm kể từ ngày phát hành 15/09/2021 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2022 là 13,7%/năm;

- Trái phiếu Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương có số dư là 1.394.061.275 đồng, thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hành 09/11/2020 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2022 là 13,5%/năm;

- Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu Tư Hải Phát có số dư là 40.177.128.430 đồng, thời hạn 02 năm kể từ ngày phát hành 24/12/2021 với lãi suất cố định là 10,00%/năm;

- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tonkin Land có số dư là 37.198.818.012 đồng, thời hạn 03 năm kể từ ngày phát hành 06/05/2022 với lãi suất của trái phiếu tại thời điểm 31/12/2022 là 11%/năm;

- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu Tư Địa ốc No Va có tổng số dư là 40.938.907.920 đồng, bao gồm:

+ Trái phiếu TPNVLH2224006 có giá gốc là 3.064.349.709 đồng có thời hạn là 24 tháng kể từ ngày phát hành 15/03/2022 với lãi suất cố định là 10,50%/năm;

+ Trái phiếu NVLH2123009 có giá gốc là 37.874.558.211 đồng có thời hạn là 18 tháng kể từ ngày phát hành 12/08/2021 với lãi suất cố định là 10,50%/năm; (Xem thêm tại Thuyết minh số 36)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	41.352.844.488	41.352.844.488
	<u>22.629.704.000</u>	<u>22.629.704.000</u>	<u>63.982.548.488</u>	<u>63.982.548.488</u>

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên (*)	10.000.000.000	12.000.000.000
	<u>10.000.000.000</u>	<u>12.000.000.000</u>

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên của Công ty được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 8,2% - 9,9%/năm.

d) Các khoản cho vay

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Hoạt động margin	13.116.964.000	7.430.639.822
Hoạt động ứng trước tiền bán	6.008.709.000	9.013.128.999
	<u>19.125.673.000</u>	<u>16.443.768.821</u>

e) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	217.700.009.687	157.935.108.082	205.195.149.201	178.448.047.596	-	20.513.174.846	(12.504.860.486)	(235.332)	205.195.149.201	178.448.047.596
Cổ phiếu niêm yết	64.931.782.886	54.143.242.886	52.426.922.400	74.656.182.400	-	20.513.174.846	(12.504.860.486)	(235.332)	52.426.922.400	74.656.182.400
<i>KBC</i>	28.644.016.054	28.644.016.054	22.588.812.400	42.564.073.600	-	13.920.057.546	(6.055.203.654)	-	22.588.812.400	42.564.073.600
<i>BMP</i>	479.280	479.280	300.000	299.500	-	-	(179.280)	(179.780)	300.000	299.500
<i>CSM</i>	135.397	135.397	86.400	113.400	-	-	(48.997)	(21.997)	86.400	113.400
<i>DRC</i>	229.455	229.455	123.600	195.900	-	-	(105.855)	(33.555)	123.600	195.900
<i>SGT</i>	36.286.922.700	25.498.382.700	29.837.600.000	32.091.500.000	-	6.593.117.300	(6.449.322.700)	-	29.837.600.000	32.091.500.000
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	152.768.226.801	103.791.865.196	152.768.226.801	103.791.865.196	-	-	-	-	152.768.226.801	103.791.865.196
- Trái phiếu TDC	1.394.061.275	10.259.358.484	1.394.061.275	10.259.358.484	-	-	-	-	1.394.061.275	10.259.358.484
- Trái phiếu BCM	33.059.311.164	93.532.506.712	33.059.311.164	93.532.506.712	-	-	-	-	33.059.311.164	93.532.506.712
- Trái phiếu NovaLand (**)	40.938.907.920	-	40.938.907.920	-	-	-	-	-	40.938.907.920	-
- Trái phiếu Tonkin Land	37.198.818.012	-	37.198.818.012	-	-	-	-	-	37.198.818.012	-
- Trái phiếu HPX	40.177.128.430	-	40.177.128.430	-	-	-	-	-	40.177.128.430	-
AFS	22.629.704.000	63.982.548.488	22.629.704.000	63.982.548.488	-	-	-	-	22.629.704.000	63.982.548.488
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000	-	-	-	-	22.629.704.000	22.629.704.000
- SPT	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000	22.629.704.000	-	-	-	-	22.629.704.000	22.629.704.000
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	-	41.352.844.488	-	41.352.844.488	-	-	-	-	-	41.352.844.488
- Trái phiếu MBLAND	-	41.352.844.488	-	41.352.844.488	-	-	-	-	-	41.352.844.488
	240.329.713.687	221.917.656.570	227.824.853.201	242.430.596.084	-	20.513.174.846	(12.504.860.486)	(235.332)	227.824.853.201	242.430.596.084

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31/12/2022.

(*) Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

(**) Xem thêm tại Thuyết minh 36 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	13.914.505.050	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	3.097.664.752	1.794.664.083
Phải thu lãi hoạt động Margin	119.049.361	54.702.758
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	393.842.482	310.219.681
- <i>Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư</i>	393.842.482	310.219.681
Phải thu khác	163.371.877	207.452.015
- <i>Phải thu lãi tiền gửi Quỹ hỗ trợ thanh toán</i>	161.683.616	205.361.258
- <i>Phải thu khác</i>	1.688.261	2.090.757
	17.688.433.522	2.367.038.537

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	25.223.400	34.354.402
Chi phí thuê văn phòng	194.356.245	189.204.772
Phí dịch vụ duy trì vận hành hệ thống công nghệ thông tin	-	200.602.166
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	54.804.314	6.498.387
	274.383.959	430.659.727

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	116.880.041	206.255.059
Phí bản quyền phần mềm máy tính	2.694.452	18.861.116
Chi phí bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô	-	21.231.000
Cước internet trọn gói	66.608.958	54.486.384
Chi phí trả trước dài hạn khác	101.821.603	100.970.075
	288.005.054	401.803.634

8 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	350.636.400	350.636.400
Đặt cọc thuê taxi	10.000.000	10.000.000
	360.636.400	360.636.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	3.300.000.000	3.300.000.000
- Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam	3.300.000.000	3.300.000.000
	<u>3.300.000.000</u>	<u>3.300.000.000</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank sở hữu 330.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương 10% tỷ lệ lợi ích và 10% tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam - Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực chuyển hóa và kinh doanh các dịch vụ liên quan đến ngọc xá lợi.

10 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư dài hạn		
- Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam	1.058.647.372	1.041.987.121
	<u>1.058.647.372</u>	<u>1.041.987.121</u>

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Linh Ngọc Xá Lợi SARIRA Việt Nam được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty này.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	1.611.007.273	7.610.812.902	9.221.820.175
Mua trong năm	-	1.123.523.500	1.123.523.500
Tại ngày 31/12/2022	<u>1.611.007.273</u>	<u>8.734.336.402</u>	<u>10.345.343.675</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	1.114.280.063	4.935.112.204	6.049.392.267
Khấu hao trong năm	80.550.366	796.626.780	877.177.146
Tại ngày 31/12/2022	<u>1.194.830.429</u>	<u>5.731.738.984</u>	<u>6.926.569.413</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	496.727.210	2.675.700.698	3.172.427.908
Tại ngày 31/12/2022	<u>416.176.844</u>	<u>3.002.597.418</u>	<u>3.418.774.262</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.371.853.720 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	TSCĐ Vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	4.551.296.680	209.552.500	4.760.849.180
Mua trong năm	220.000.000	-	220.000.000
Tại ngày 31/12/2022	4.771.296.680	209.552.500	4.980.849.180
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	4.406.560.564	209.552.500	4.616.113.064
Khấu hao trong năm	95.304.655	-	95.304.655
Tại ngày 31/12/2022	4.501.865.219	209.552.500	4.711.417.719
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	144.736.116	-	144.736.116
Tại ngày 31/12/2022	269.431.461	-	269.431.461

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.505.849.180 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.074.542.991	2.000.286.963
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.576.993.417	1.371.632.159
Số dư cuối năm	3.771.536.408	3.491.919.122

14 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	5.000.000.000	7.700.000.000	(12.700.000.000)	-
	5.000.000.000	7.700.000.000	(12.700.000.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	5.000.000.000
	-	5.000.000.000
15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN		
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	-	95.878.468
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	39.902.669	-
	39.902.669	95.878.468
16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN		
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn		
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP Chứng khoán SmartInvest	36.721.044.000	-
Phải trả các đối tượng khác	664.507.364	81.959.103.916
	37.385.551.364	81.959.103.916
b) Phải trả người bán chi tiết theo nội dung		
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	37.326.581.044	81.862.056.429
Phải trả cho người bán khác	58.970.320	97.047.487
	37.385.551.364	81.959.103.916
17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC		
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.460.002	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.977.259.629	887.433.311
Thuế Thu nhập cá nhân	1.954.371.444	3.256.356.613
	5.933.091.075	4.143.789.924
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN		
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	1.926.028
Trích trước chi phí lưu ký	-	39.618.559
Trích trước chi phí giao dịch	54.269.278	-
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	250.765.493	25.816.618
	305.034.771	67.361.205

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả lãi trái phiếu tổ chức phát hành chuyển cho nhà đầu tư	102.383.450.047	74.704.257.410
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.568.282	9.568.282
	102.393.018.329	74.713.825.692

20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022
		VND		VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	7,02%	17.700.000.000	7,02%	17.700.000.000
Nguyễn Sơn	33,47%	84.350.000.000	33,47%	84.350.000.000
Quách Thị Nga	16,99%	42.800.000.000	16,99%	42.800.000.000
Phạm Thị Yến	16,73%	42.150.000.000	16,73%	42.150.000.000
Lê Thị Anh	25,79%	65.000.000.000	25,79%	65.000.000.000
	100%	252.000.000.000	100%	252.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	44.127.859.811	14.010.044.023
Lợi nhuận chưa thực hiện	(12.504.860.486)	16.410.304.545
	31.622.999.325	30.420.348.568

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	14.010.044.023	(8.268.806.752)
Lãi/lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(28.915.165.031)	9.613.052.005
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	30.117.815.788	22.278.850.775
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	44.127.859.811	14.010.044.023
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	44.127.859.811	14.010.044.023

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	28.964.390.000	16.169.840.000
	28.964.390.000	16.169.840.000

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	179.712.530.000	172.270.130.000
	179.712.530.000	172.270.130.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	749.577.320.000	704.846.270.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	559.200.000.000	559.200.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	88.750.000	88.750.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	6.099.000.000	10.394.990.000
	1.314.965.070.000	1.274.530.010.000
24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.351.270.000	1.452.710.000
	1.351.270.000	1.452.710.000
25 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	20.459.314.077	30.178.635.875
1. Nhà đầu tư trong nước	20.459.314.073	30.178.635.871
2. Nhà đầu tư nước ngoài	4	4
	20.459.314.077	30.178.635.875
26 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ		
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	20.456.640.009	30.178.635.875
1.1 Nhà đầu tư trong nước	20.456.640.005	30.178.635.871
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	4	4
	20.456.640.009	30.178.635.875
27 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		
1. Phải trả nghiệp vụ margin	13.236.013.361	7.485.342.580
1.1 Phải trả gốc margin	13.116.964.000	7.430.639.822
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>13.116.964.000</i>	<i>7.430.639.822</i>
1.2 Phải trả lãi margin	119.049.361	54.702.758
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>119.049.361</i>	<i>54.702.758</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	6.008.709.000	9.013.128.999
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	6.008.709.000	9.013.128.999
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>6.008.709.000</i>	<i>9.013.128.999</i>
	19.244.722.361	16.498.471.579

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

28 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết						29.593.422.929	16.088.200.300
Trái phiếu chưa niêm yết	42.878.290	10.649.390.624.784	10.611.317.203.675	67.579.333.625	30.162.029.403	47.725.450.294	91.051.036.777
		10.649.390.624.784	10.611.317.203.675	67.579.333.625	30.162.029.403	77.318.873.223	107.139.237.077

b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2022		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
			Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND
FVTPL	64.931.782.886	52.426.922.400	-	(12.504.860.486)	20.513.174.846	(235.332)	39.254.385.500	72.272.185.500
Cổ phiếu niêm yết	64.931.782.886	52.426.922.400	-	(12.504.860.486)	20.513.174.846	(235.332)	39.254.385.500	72.272.185.500
	64.931.782.886	52.426.922.400	-	(12.504.860.486)	20.513.174.846	(235.332)	39.254.385.500	72.272.185.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	17.065.428.482	63.899.681.101
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	1.145.463.019	1.028.373.149
Từ các khoản cho vay	1.667.521.049	2.007.981.601
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	1.659.903.972	4.976.370.248
	21.538.316.522	71.912.406.099

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	429.348.529	168.230.580
	429.348.529	168.230.580

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.296.574	26.704.111
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.660.251	43.116.422
	21.956.825	69.820.533

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	5.535.749.966	4.410.341.193
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	259.760.000	211.534.500
Chi phí công cụ, dụng cụ	109.189.525	116.159.794
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	192.677.337	181.172.379
Chi phí thuế, phí và lệ phí	9.325.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.816.552.590	2.341.687.514
Chi phí khác	785.403.292	618.336.371
	9.708.657.710	7.882.231.751

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

32.1 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.521.551.599	39.865.763.701
Các khoản điều chỉnh tăng	20.585.664.067	3.567.303
- Chi phí không hợp lệ	72.489.221	3.567.303
- Điều chỉnh chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC	20.513.174.846	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(40.500)	(11.957.164.451)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(40.500)	(26.400)
- Điều chỉnh chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC	-	(11.957.138.051)
Thu nhập chịu thuế TNDN	22.107.175.166	27.912.166.553
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	4.421.435.033	5.582.433.311
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	100.778	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	887.433.311	671.520.778
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.331.709.493)	(5.366.520.778)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	3.977.259.629	887.433.311

32.2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.102.634.969	1.711.207.359
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(4.102.634.969)	2.391.427.610
	-	4.102.634.969

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(4.102.634.969)	2.391.427.610
	(4.102.634.969)	2.391.427.610

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.202.650.757	31.891.902.780
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.202.650.757	31.891.902.780
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.200.000	20.575.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	48	1.550

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	205.195.149.201	-	-	205.195.149.201
	<u>205.195.149.201</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>205.195.149.201</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	178.448.047.596	-	-	178.448.047.596
	<u>178.448.047.596</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>178.448.047.596</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.213.762.021	-	-	145.213.762.021
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Các khoản cho vay	19.125.673.000	-	-	19.125.673.000
Các khoản phải thu	17.688.433.522	-	-	17.688.433.522
	<u>192.027.868.543</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>192.027.868.543</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	169.349.517.757	-	-	169.349.517.757
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Các khoản cho vay	16.443.768.821	-	-	16.443.768.821
Các khoản phải thu	2.367.038.537	-	-	2.367.038.537
Trái phiếu thuộc TSTC sẵn sàng để bán	41.352.844.488	-	-	41.352.844.488
	<u>241.513.169.603</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>241.513.169.603</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	139.818.472.362	-	-	139.818.472.362
Chi phí phải trả	305.034.771	-	-	305.034.771
	140.123.507.133	-	-	140.123.507.133
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	156.768.808.076	-	-	156.768.808.076
Chi phí phải trả	67.361.205	-	-	67.361.205
	161.836.169.281	-	-	161.836.169.281

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5 - Các loại tài sản tài chính về lô trái phiếu NVLH2123009, tính tới thời điểm hiện tại, Công ty đã bán 373.132 trái phiếu NVLH2123009 có giá gốc là 37.874.558.211 VND cho các nhà đầu tư cá nhân; tổng giá trị bán là 39.196.277.397 VND; thời hạn thanh toán của các hợp đồng bán trái phiếu này là trước 18/04/2023.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động đầu tư tự doanh VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu hoạt động	5.806.441.831	125.559.051.579	3.937.975.360	135.303.468.770
Chi phí hoạt động	5.548.988.470	117.305.130.220	1.614.206.214	124.468.324.904
Doanh thu không phân bổ				429.348.529
Chi phí không phân bổ				9.730.614.535
Kết quả hoạt động	257.453.361	8.253.921.359	2.323.769.146	1.533.877.860

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động đầu tư tự doanh VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Tài sản bộ phận trực tiếp	4.165.378.890	227.824.853.201	46.420.264.040	278.410.496.131
Tài sản không phân bỏ				152.169.409.735
Tổng tài sản	4.165.378.890	227.824.853.201	46.420.264.040	430.579.905.866
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	37.326.581.044	39.902.669	37.366.483.713
Nợ phải trả không phân bỏ				109.590.422.828
Tổng nợ phải trả	-	37.326.581.044	39.902.669	146.956.906.541

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc <i>(Các thành viên Hội đồng quản trị khác không nhận thù lao năm 2021 và năm 2022)</i>	1.738.000.000	1.738.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

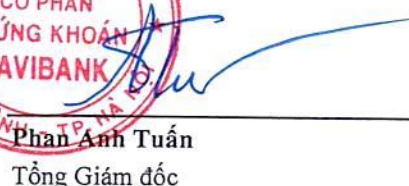


Nguyễn Thùy Dung
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng




Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Thành công là hành trình không phải đích đến. Kết nối từng điểm chạm của thành công, ta sẽ có một hành trình phát triển tốt đẹp.

Năm 2023, Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên NVS cùng hướng tới hành trình tiếp theo trong con đường phát triển của Công ty: tiếp nối những thành công của năm 2022, đạt được mục tiêu đặt ra của năm 2023 và không ngừng kết nối - kết nối nhà đầu tư - kết nối khách hàng - kết nối người lao động, để cùng tạo nên một NVS ngày càng ổn định và vững mạnh hơn trên thị trường.

Kính cảm ơn các Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên đã gắn bó, đồng hành với sự nghiệp phát triển của NVS trong thời gian qua. Trong những năm tới đây, NVS mong rằng quý vị sẽ tiếp tục cùng ủng hộ, đồng hành và chứng kiến NVS trên con đường phát triển và trở nên lớn mạnh hơn mỗi ngày.

Trân trọng.

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2023
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

